

25/9/2014

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43 /2014/QĐ-UBND

Long An, ngày 22 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính về quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 679/TTr-STNMT ngày 12 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính về quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính về quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử LA;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng NCTCD_{TCD};
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính
về quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 113 /2014/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Long An)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với các quyết định hành chính về quản lý đất đai bị khiếu nại bao gồm:

- a) Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;
- b) Cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- c) Quyết định gia hạn thời hạn sử dụng đất.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thụ lý xem xét để giải quyết khiếu nại các quyết định hành chính về quản lý đất đai do mình ban hành được quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các quyết định hành chính về quản lý đất đai quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành bị khiếu nại.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các khiếu nại:

- a) Giải quyết lần hai các các quyết định hành chính về quản lý đất đai quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết nhưng còn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Giải quyết lần đầu đối với quyết định hành chính về quản lý đất đai quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bị khiếu nại.

Điều 3. Khiếu nại về đất đai được cơ quan nhà nước thụ lý giải quyết khi có đủ các điều kiện sau đây

1. Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính mà mình khiếu nại.

2. Người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; trong trường hợp thông qua người đại diện để thực hiện việc khiếu nại thì người đại diện phải theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp và gửi đến đúng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo thời hiệu, thời hạn quy định tại Điều 5, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Quy định này.

4. Việc khiếu nại chưa được Tòa án thụ lý để giải quyết.

Điều 4. Người đại diện để khiếu nại

1. Người đại diện để thực hiện việc khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; việc đại diện khiếu nại phải lập thành văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người khiếu nại hoặc người được đại diện khiếu nại cư trú.

2. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật để khiếu nại bao gồm:

- a) Cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- b) Người giám hộ đối với người được giám hộ;
- c) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột đã thành niên đại diện để thực hiện việc khiếu nại đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d) Chủ hộ gia đình đối với hộ gia đình;
- đ) Tổ trưởng hợp tác đối với tổ hợp tác;
- e) Tổ chức thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là người đứng đầu tổ chức đó được quy định theo điều lệ của tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Người đại diện theo ủy quyền

- a) Cá nhân, người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho người khác xác lập, thực hiện việc khiếu nại theo nội dung được ủy quyền.
- b) Người đại diện theo ủy quyền phải đủ mười tám tuổi trở lên và phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Người khiếu nại được nhờ Luật sư giúp đỡ về pháp luật trong quá trình khiếu nại. Trong trường hợp người khiếu nại nhờ Luật sư giúp đỡ về pháp luật thì Luật sư được quyền tham dự khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền mời bên khiếu nại, bên bị khiếu nại để thu thập chứng cứ, tổ chức đối thoại trong quá trình thẩm tra, xác minh, lập hồ sơ khiếu nại.

Điều 5. Thời hiệu, thời hạn khiếu nại

1. Thời hiệu khiếu nại

a) Trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính về quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân cấp huyện mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định hành chính đó thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

b) Trong thời hạn không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính về quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân tỉnh mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định hành chính đó thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

2. Thời hạn khiếu nại

a) Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày (đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày), kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết đó thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

b) Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày (đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày), kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết đó thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Điều 6. Thời gian không tính thời hiệu, thời hạn khiếu nại

Trong trường hợp người khiếu nại không thực hiện được việc khiếu nại theo đúng thời hiệu, thời hạn quy định tại Điều 5 Quy định này vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hiệu, thời hạn khiếu nại; người khiếu nại phải chứng minh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về trở ngại khách quan đó.

Điều 7. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

1. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

3. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

4. Cơ quan đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại tổ chức thực hiện quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật, nếu người khiếu nại không chấp hành thì tổ chức cưỡng chế theo trình tự pháp luật quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước có liên quan trong công tác giải quyết khiếu nại về đất đai

1. Cơ quan hành chính cấp dưới phải tuyệt đối chấp hành, không được vô hiệu hóa hoặc làm cản trở việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan hành chính cấp trên. Trong trường hợp phát hiện quyết định đó có tình tiết mới hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì có văn bản báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp xem xét có ý kiến. Thời hạn trả lời của cơ quan hành chính cấp trên không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được bản kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân các cấp khi nhận được đơn khiếu nại về đất đai do Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chuyên đến, thì xem xét xử lý theo quy định pháp luật về khiếu nại.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An (sau đây gọi tắt là Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện); Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 9. Cơ quan chuyên môn các cấp tham mưu giải quyết khiếu nại về đất đai

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết khiếu nại đất đai, có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian quy định về thời hạn giải quyết đơn khiếu nại của công dân.

2. Trong quá trình tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giải quyết khiếu nại về đất đai, tổ chức và cá nhân được giao nhiệm vụ phải thẩm tra, xác minh cụ thể, khách quan, chính xác và công tâm để vụ việc được giải quyết đúng chủ trương, chính sách và quy định pháp luật về đất đai.

Điều 10. Quyết định giải quyết khiếu nại

1. Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại;

c) Nội dung khiếu nại;

- d) Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- đ) Kết quả đối thoại (nếu có);
- e) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;
- g) Kết luận nội dung khiếu nại;
- h) Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại;
- i) Việc bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại (nếu có);
- k) Quyền khiếu nại lần hai, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

3. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại lần đầu về một nội dung thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, kết luận nội dung khiếu nại và căn cứ vào kết luận đó để ra quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại.

4. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai phải có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại;
- c) Nội dung khiếu nại;
- d) Kết quả giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại lần đầu;
- đ) Kết quả xác minh nội dung khiếu nại;
- e) Kết quả đối thoại;
- g) Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại;

h) Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. Trường hợp khiếu nại là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính bị khiếu nại. Trường hợp kết luận nội dung khiếu nại là sai toàn bộ thì yêu cầu người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghiêm chỉnh quyết định hành chính;

i) Việc bồi thường cho người bị thiệt hại (nếu có);

k) Quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Điều 11. Lập hồ sơ giải quyết khiếu nại

1. Việc giải quyết khiếu nại phải được lập hồ sơ

Hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm:

- a) Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại;
- b) Tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp;
- c) Biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận;
- d) kết quả giám định, biên bản đối thoại (nếu có);

- d) Quyết định giải quyết khiếu nại;
- e) Văn bản của Hội đồng tư vấn (nếu có);
- g) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ khiếu nại sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp người khiếu nại tiếp tục khiếu nại thì hồ sơ phải được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

Điều 12. Rút đơn khiếu nại

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền rút khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào, việc rút khiếu nại phải được thực hiện bằng đơn có chữ ký hoặc điểm chỉ, phải gửi đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Người có thẩm quyền thụ lý giải quyết khiếu nại khi nhận được đơn xin rút đơn khiếu nại thì ra quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo cho các đơn vị có liên quan.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ ĐẤT ĐAI

Mục I

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT LẦN ĐẦU CÁC KHIẾU NẠI VỀ ĐẤT ĐAI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 13. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này.

2. Thời hạn giải quyết không quá ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thụ lý; đối với những vụ khiếu nại phức tạp, nhiều tình tiết thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bốn mươi lăm (45) ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết không quá bốn mươi lăm (45) ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với những vụ khiếu nại phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Điều 14. Trình tự, thủ tục giải quyết

1. Nhận đơn, quyết định thụ lý đơn khiếu nại

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn khiếu nại, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thụ lý đơn khiếu nại. Quyết định thụ lý phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất khiếu nại và người khiếu nại biết.

2. Thẩm tra xác minh, thu thập chứng cứ, lập báo cáo

Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chịu trách nhiệm phân công cán bộ trực tiếp thẩm tra xác minh hồ sơ khiếu nại, làm rõ các nội dung:

- Yêu cầu người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu và những bằng chứng về nội dung khiếu nại;

- Thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ của việc khiếu nại; xác minh làm rõ nội dung khiếu nại;

- Thu thập thông tin, tài liệu và những căn cứ để ban hành quyết định hành chính bị khiếu nại.

Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm lập báo cáo nội dung khiếu nại và kiến nghị hướng giải quyết để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét giải quyết.

3. Tổ chức đối thoại

a) Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu có yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại.

b) Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại.

c) Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

d) Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại.

đ) Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

4. Công bố quyết định giải quyết khiếu nại

a) Quyết định giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được công bố công khai và gửi cho người khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất khiếu nại tổ chức công bố quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

b) Việc công bố quyết định giải quyết khiếu nại phải được lập thành biên bản, gửi cho các bên tham dự công bố và lưu hồ sơ khiếu nại.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ ĐẤT ĐAI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 15. Trách nhiệm và thời hạn giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp xem xét giải quyết các khiếu nại về đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Ban hành quyết định giải quyết đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mà đương sự không đồng ý, vẫn tiếp tục khiếu nại hoặc phát hiện có tình tiết mới, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

b) Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này bị khiếu nại.

2. Thời hạn giải quyết

a) Đối với trường hợp khiếu nại quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì thời hạn tiến hành giải quyết và ra quyết định không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với những vụ khiếu nại phức tạp, nhiều tình tiết thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá sáu mươi 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với những vụ khiếu nại phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bảy mươi (70) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

b) Đối với trường hợp khiếu nại lần đầu thì thời hạn tiến hành giải quyết và ra quyết định không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với những vụ khiếu nại phức tạp, nhiều tình tiết thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với những vụ khiếu nại phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài hơn, nhưng không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Điều 16. Trình tự, thủ tục giải quyết

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan nhận đơn đối với các khiếu nại về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại về đất đai

a) Khi tiếp nhận đơn khiếu nại quyết định hành chính về đất đai, nếu xét thấy thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến thụ lý đơn.

b) Trường hợp đơn khiếu nại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển đến, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thụ lý để giải quyết theo quy định.

2. Quyết định thụ lý đơn khiếu nại

a) Sau khi nhận văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thụ lý đơn, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định thụ lý đơn khiếu nại.

Thời hạn quyết định thụ lý đơn là mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thụ lý đơn.

b) Quyết định thụ lý đơn phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (nơi có đất khiếu nại) và người khiếu nại biết. Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thụ lý, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chuyển toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

3. Lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết

a) Trường hợp nhận đơn khiếu nại trong thời hạn quy định nếu xét thấy nội dung giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật đất đai thì trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý đơn khiếu nại, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường lập tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định giữ nguyên quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Trường hợp qua thẩm tra xác minh, xét thấy hồ sơ giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có tình tiết mới hoặc giải quyết chưa phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, thì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính bị khiếu nại.

4. Đối với trường hợp khiếu nại quyết định hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, thì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định giải quyết trong thời hạn quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 15 của Quy định này. Quyết định giải quyết lần đầu, giải quyết lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được công bố công khai và gửi cho người khiếu nại, người có quyền và lợi ích liên quan.

5. Trong quá trình giải quyết khiếu nại đất đai theo thẩm quyền, nếu là giải quyết khiếu nại lần đầu, thì khi có yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau hay vụ việc phức tạp, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại với các bên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải tổ chức đối thoại với các bên, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Việc tổ chức đối thoại được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 14 của Quy định này.

5. Công bố quyết định giải quyết khiếu nại

a) Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được công bố công khai và gửi cho người khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức công bố quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

b) Việc công bố quyết định giải quyết khiếu nại phải được lập thành biên bản, gửi cho các bên tham dự công bố và lưu hồ sơ khiếu nại.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH; VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH; THANH TRA TỈNH; VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN; THANH TRA CÁC CẤP THAM GIA VÀO QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI ĐẤT ĐAI

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc giải quyết khiếu nại về đất đai

1. Ngoài công tác tiếp dân theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện còn có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp để tiếp và hướng dẫn người khiếu nại về đất đai gửi đơn đến đúng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết; giải thích cho người dân thông suốt pháp luật về đất đai, các quy định giải quyết khiếu nại về đất đai của tỉnh và Trung ương.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

a) Giải thích cho người khiếu nại phải thi hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời có văn bản tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời cho người khiếu nại. Trường hợp công dân gửi đơn khiếu nại qua đường bưu điện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh truyền đạt ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại của công dân.

b) Trường hợp khi tiếp xúc công dân khiếu nại quyết định có hiệu lực pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nếu phát hiện nội dung khiếu nại có tình tiết mới, thì yêu cầu người khiếu nại cung cấp chứng cứ và có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo phúc tra quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Thanh tra tỉnh, Thanh tra cấp huyện

1. Trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật trên địa bàn, Thanh tra tỉnh, Thanh tra cấp huyện khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai, nếu có tình tiết mới hoặc việc giải quyết có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì tiến hành làm việc với cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp để thống nhất nội dung khiếu nại trước khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét lại quyết định đã giải quyết. Trường hợp không thống nhất với cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp thì có quyền kiến nghị với Ủy ban nhân dân cùng cấp để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức phúc tra các trường hợp khiếu nại về đất đai đã có quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này theo chức năng quản lý Nhà nước của ngành, địa phương; niêm yết công khai để mọi công dân biết, thực hiện, giám sát.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức đoàn thể phối hợp, tham gia phổ biến, tuyên truyền để mọi công dân biết và thực hiện đúng quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm